

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ

Bắc Tân Uyên, ngày 14 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. Ông Võ Xuân T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 15, Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ngày 04 tháng 01 năm 2019, những người yêu cầu là ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 thống nhất như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã (Nay là thành phố) Đ, tỉnh Bình Phước ngày 22/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn sống chung từ tháng 7/2017 cho đến nay và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên ông T và bà T1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 có 01 con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 24/7/2015. Ông T và bà T1 yêu cầu Tòa án công nhận cho bà T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tòa án xét thấy: Ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là hoàn toàn sự tự nguyện, cùng thống nhất việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Do đó, Tòa án có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của ông T và bà T1 theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 24/7/2015. Ông Võ Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Ông Võ Xuân T và Nguyễn Thị Thu T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Thu T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu T1 tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0030413 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Hồ Thế Chính